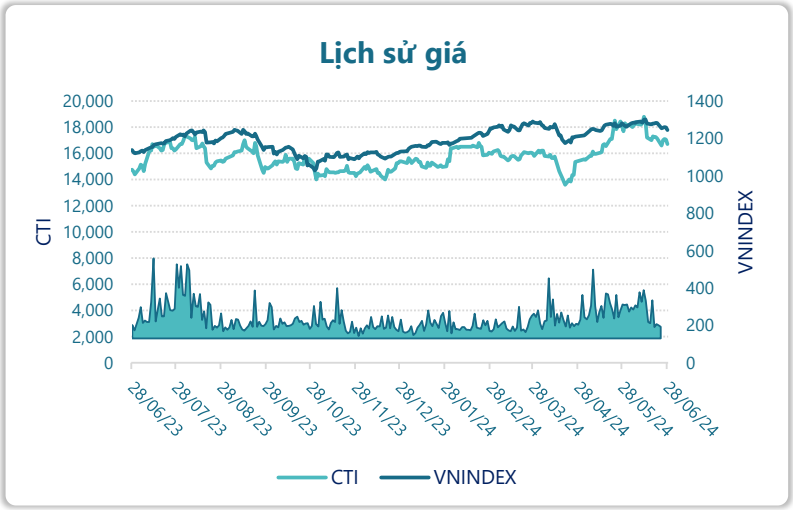
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (HSX: CTI)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,600
SL cổ phiếu LH	54,799,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	901,105
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	915
P/E	11.5
EPS	1,455

DT thuần

Q2/24

254

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00| -1.0%

YoY: ▲ 66.0| 35.3%

LN sau thuế

Q2/24

25.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.60| -20.6%

YoY: ▼20.3| -44.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

29.3%

+/- YoY: ▼ 29.0%

DT thuần

6T 2024

512

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 132| 34.7%

LN sau thuế

6T 2024

57.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.30| 16.9%

ROE

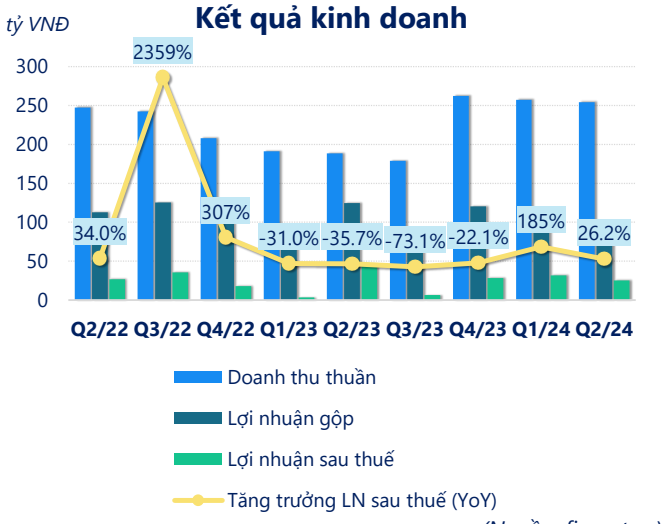
Q2/24

5.6%

+/- YoY: ▼ 0.6%

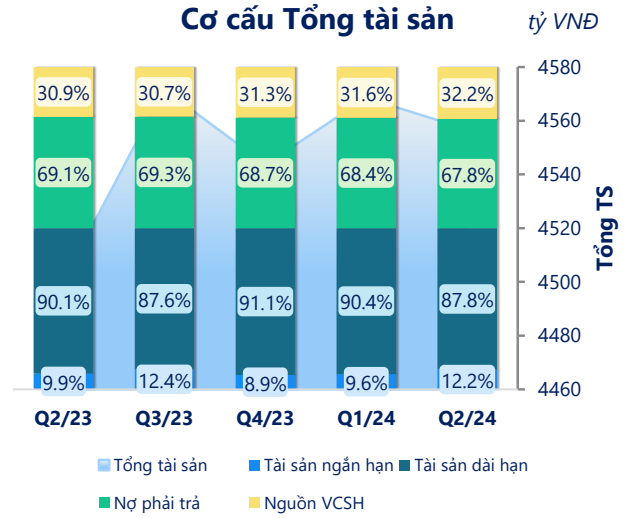
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



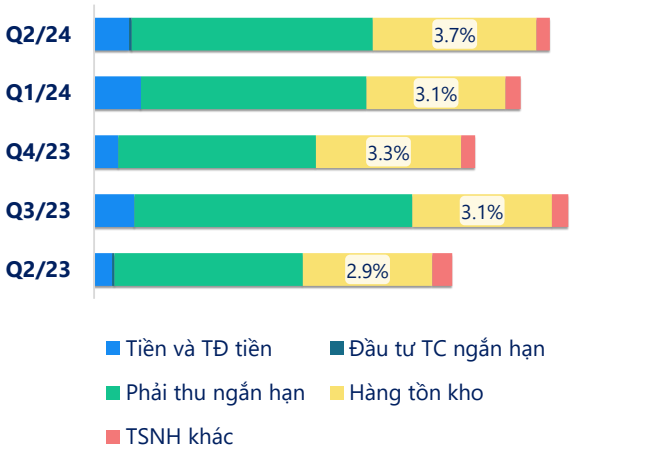
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



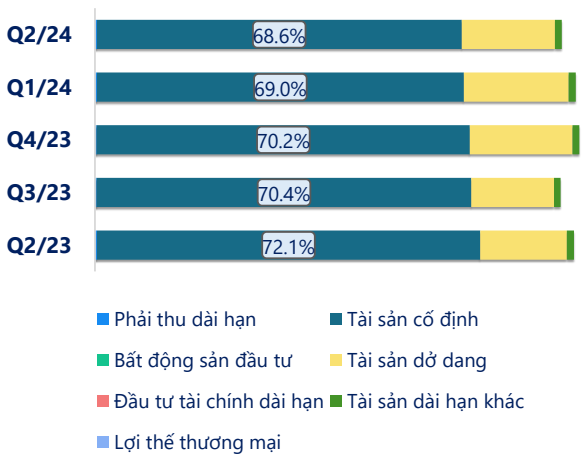
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



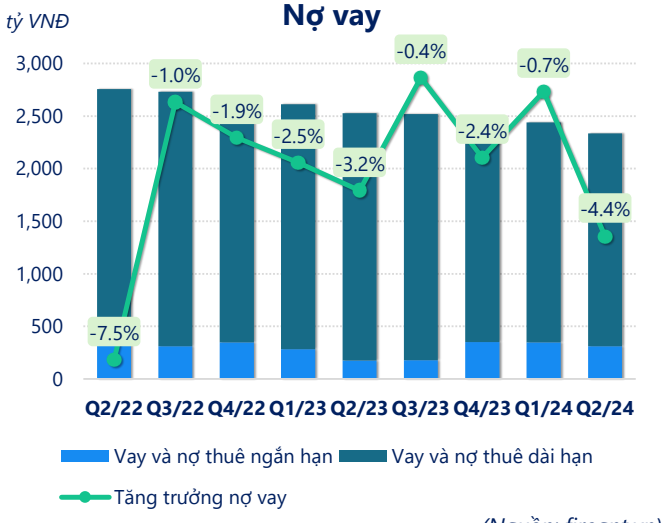
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



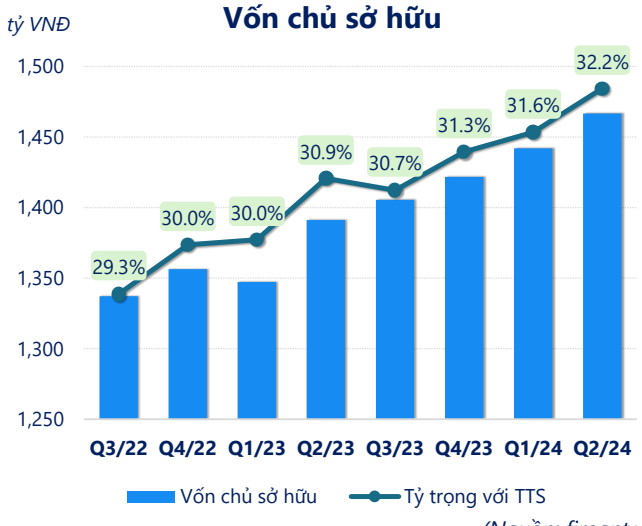
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



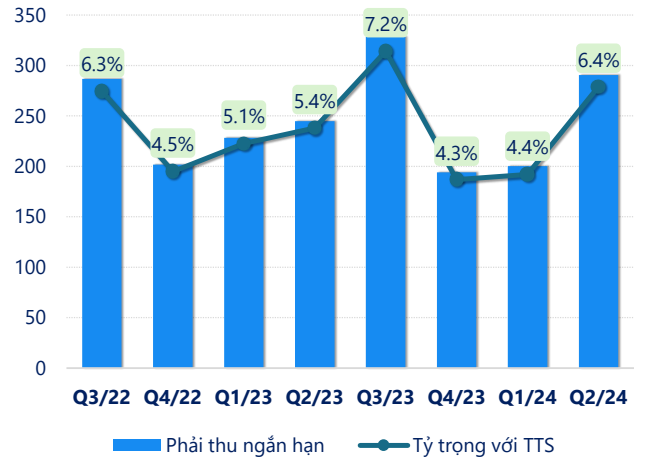
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



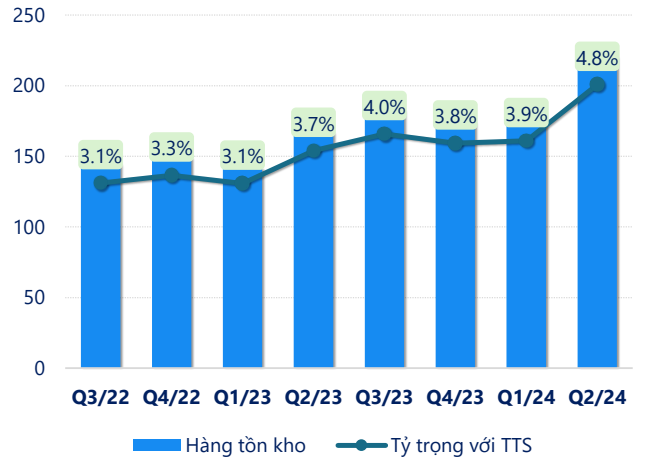
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



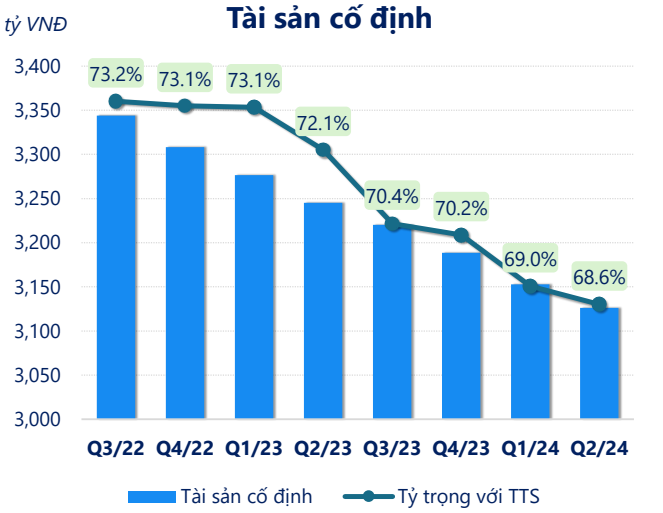
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



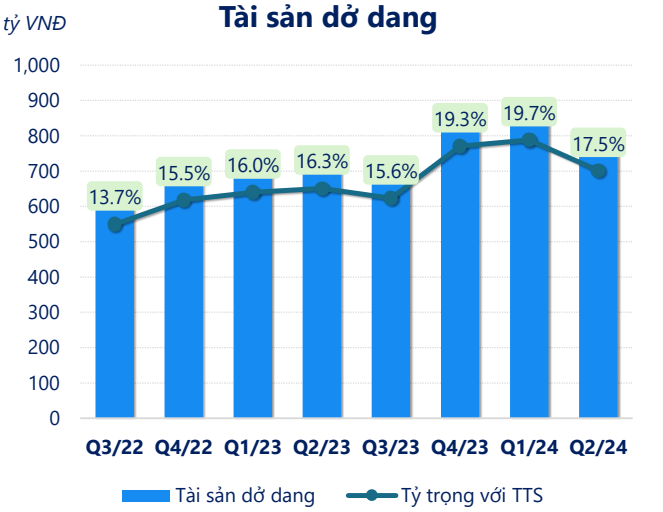
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



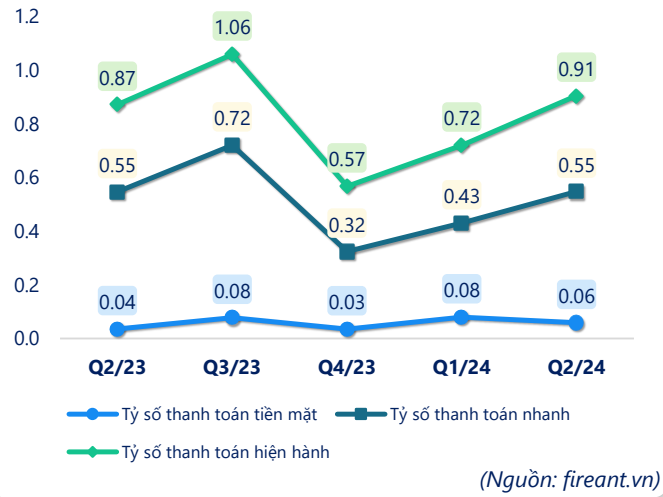
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



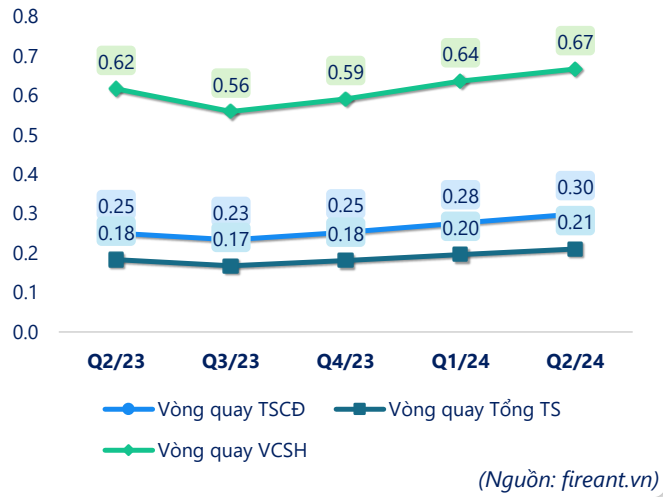
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**4,501**	**4,572**	**4,544**	**4,569**	**4,557**
Tài sản ngắn hạn	**446**	**569**	**405**	**438**	**555**
Tiền và tương đương tiền	18.2	41.7	25.0	48.4	36.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.69	3.04	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	245	328	194	200	291
Hàng tồn kho	166	182	174	176	219
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	13.9	12.6	13.0	9.36
Tài sản dài hạn	**4,055**	**4,003**	**4,138**	**4,130**	**4,001**
Phải thu dài hạn	15.5	15.5	15.5	16.6	16.1
Tài sản cố định	3,245	3,220	3,189	3,153	3,126
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	733	712	875	900	799
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	61.7	55.2	59.0	60.8	60.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,109**	**3,166**	**3,122**	**3,126**	**3,090**
Nợ ngắn hạn	**511**	**538**	**715**	**609**	**614**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	179	350	347	311
Phải trả người bán ngắn hạn	96.5	106	121	121	131
Nợ dài hạn	2,598	2,629	2,407	2,518	2,476
Vay và nợ thuê dài hạn	2,351	2,339	2,108	2,094	2,023
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,391**	**1,406**	**1,422**	**1,442**	**1,467**
Vốn chủ sở hữu	**1,391**	**1,406**	**1,422**	**1,442**	**1,467**
Vốn điều lệ	630	630	630	630	630
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)